TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quế
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hòa và ông Hà Minh Tiến
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nam – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2017, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H – sinh năm 1976;
Trú tại : Xóm Đ, xã H, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên.
2. Bị đơn: Anh K – sinh năm 1955;
Trú tại: số 760 50TH AVE, EAST VENCOUVER BC . V5X IB3 CANADA.
(có mặt chị H, vắng mặt anh K, anh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 08/9/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/8/2017 và bản tự khai ngày 21/8/2017 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị H trình bày:

Chị và anh K kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được hơn một tháng. Do công việc của anh K ở nước ngoài nên anh phải trở về Canada. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc thường xuyên qua điện thoại nhưng vì khoảng cách quá xa, mỗi người một nơi nên tình cảm cũng nhạt dần. Từ khi anh K trở lại Canada đến nay anh chưa trở lại Việt Nam lần nào, vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại đơn đề nghị của bị đơn anh K gửi Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam ngày 08/9/2017. Anh K xác định về thời gian kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung và tài sản chung, nợ chung cũng đúng như lời khai của chị H. Nay anh xác định sinh sống tại Canada, còn chị H thì sống tại Việt Nam, hoàn cảnh mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không có hạnh phúc. Anh nhất trí ly hôn với chị H.

Hiện nay, do điều kiện công việc tại Canada nên anh không thể về Việt Nam để trực tiếp tham gia giải quyết vụ án được. Anh đề nghị vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe ý kiến trình bày của chị H và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Trong vụ án này, bị đơn là người có quốc tịch Canada, hiện đang cư trú và làm việc tại Canada được thể hiện ở Giấy chứng nhận kết hôn, hộ chiếu và đơn xác nhận nơi cư trú của anh K được Công chứng viên của tỉnh Bristish Columbia Steven Le xác nhận và được Phòng Tư Pháp thành phố T- tỉnh Thái Nguyên - Việt Nam chứng thực. Do vậy, đây là vụ án ly hôn có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điều 37 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ở nước ngoài, không về nước để tham gia tố tụng, căn cứ Điều 207 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải được. Bị đơn đã nhận được đầy đủ các văn bản của Tòa án và đã có đơn đề nghị gửi Tòa án, thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án và đồng thời đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 5 Điều 477 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] **Về nội dung**: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh K trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng có rất ít thời gian ở bên nhau, chỉ chung sống với nhau được khoảng hơn một tháng. Do công việc của anh K ở nước ngoài nên anh phải trở về Canada. Thời gian đầu vợ chồng vẫn liên lạc thường xuyên qua điện thoại nhưng vì khoảng cách mỗi người một nơi nên tình cảm cũng nhạt dần. Từ khi anh K trở lại Canada đến nay chưa trở lại Việt Nam lần nào và vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn. Phía anh K có văn bản gửi về cho Tòa án cũng thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh K đã trầm trọng, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, chị H xin ly hôn, anh K hoàn toàn nhất trí. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị được ly hôn anh K là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Các đương sự đều xác định không có.

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh K. Con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không giải quyết. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 28, 37, 40, 147, 207, Khoản 1 Điều 228 và khoản 5 Điều 477 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H được ly hôn anh K
2. Về con chung: Không có.
3. Tài sản chung: Không có.
4. Về nợ chung: Không có.
5. Án phí: Chị H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0018442 ngày 17/8/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Thái Nguyên;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS vụ án;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Quế